

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 06 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus – Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 28/9/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT01

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.06.001	221A011142	Lê Trần Loan	Anh	13/08/2004	Đắk Lắk		
2	VHU.TAB1.06.002	221A270114	Hồ Thị Kim	Anh	13/02/2004	Đồng Tháp		
3	VHU.TAB1.06.003	221A050101	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	28/08/2004	Gia Lai		
4	VHU.TAB1.06.004	211A210289	Vũ Phương	Anh	05/11/2003	Cà Mau		
5	VHU.TAB1.06.005	211A050326	Lý Hoàng Thảo	Anh	04/11/2003	Tây Ninh		
6	VHU.TAB1.06.006	211A050249	Nguyễn Hùng	Anh	02/09/2003	Thành phố Huế		
7	VHU.TAB1.06.007	211A030196	Bùi Thị Vân	Anh	27/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.06.008	181A080046	Cao Kỳ	Anh	23/05/2000	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.06.009	201A290016	Nguyễn Phi	Ánh	05/07/2002	Quảng Ngãi		
10	VHU.TAB1.06.010	211A040057	Phạm Mỹ	Ánh	29/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.06.011	211A180023	Hoàng Phúc	Bách	18/04/1991	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.06.012	171A100050	Trần Tiểu	Băng	07/04/1997	Thành phố Cần Thơ		
13	VHU.TAB1.06.013	211A010132	Phan Văn Quốc	Bình	17/06/2003	Lâm Đồng		
14	VHU.TAB1.06.014	211A080207	Trần Thị Ngọc	Cam	08/02/2003	Lâm Đồng		
15	VHU.TAB1.06.015	161A100091	Châu Hoàng Bảo	Châu	16/01/1998	Vĩnh Long		
16	VHU.TAB1.06.016	221A300344	Quách Kim Bảo	Châu	29/01/2004	Đồng Nai		
17	VHU.TAB1.06.017	221A370573	Phùng Thị Linh	Chi	26/06/2004	Đồng Tháp		
18	VHU.TAB1.06.018	211A100043	Huỳnh Nguyễn Kim	Đào	19/05/2003	Đồng Tháp		
19	VHU.TAB1.06.019	211A230225	Phạm Trần Phát	Đạt	16/04/2003	Vĩnh Long		
20	VHU.TAB1.06.020	201A070040	Đinh Thị Huyền	Diễm	12/09/2002	Lâm Đồng		
21	VHU.TAB1.06.021	211A030143	Nguyễn Hà Ngọc	Diễm	09/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
22	VHU.TAB1.06.022	211A230142	Trần Kiều	Diễm	30/05/2003	Cà Mau		
23	VHU.TAB1.06.023	201A030112	Đặng Phương	Du	14/05/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.06.024	191A050034	Phạm Ngọc Ánh	Dương	29/03/2001	Đắk Lắk		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.06.025	201A080305	Lâm Khánh	Duy	04/11/2002	Cà Mau		
26	VHU.TAB1.06.026	211A010079	Nguyễn Đức	Duy	21/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.06.027	191A090008	Lê Tuấn Nhật	Duy	30/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TAB1.06.028	221A230301	Võ Khánh	Duy	24/02/2004	Tây Ninh		
29	VHU.TAB1.06.029	221A050434	Hồ Trúc Mỹ	Duyên	09/01/2004	Khánh Hòa		
30	VHU.TAB1.06.030	221A230516	Thái Hà	Giang	06/06/2004	Quảng Trị		
31	VHU.TAB1.06.031	221A370467	Phạm Quang	Hà	11/02/2004	Gia Lai		
32	VHU.TAB1.06.032	221A011146	Trần Gia	Hân	21/11/2004	An Giang		
33	VHU.TAB1.06.033	231A010298	Phan Ngọc Gia	Hân	08/09/2005	Đồng Tháp		
34	VHU.TAB1.06.034	211A040147	Lê Thị Mỹ	Hân	15/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
35	VHU.TAB1.06.035	211A031380	Trần Ngọc	Hân	10/12/2003	Đồng Tháp		
36	VHU.TAB1.06.036	201A070091	Hà Ngọc	Hân	05/07/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.06.037	211A300116	Nguyễn Hữu Hồng	Hân	30/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
38	VHU.TAB1.06.038	221A030319	Lê Ngọc	Hân	07/06/2004	Đồng Tháp		
39	VHU.TAB1.06.039	211A030587	Lê Thị	Hận	20/08/2003	Quảng Ngãi		
40	VHU.TAB1.06.040	211A031081	Phùng Lâm Thúy	Hằng	28/07/2003	Khánh Hòa		
41	VHU.TAB1.06.041	211A210268	Nguyễn Tuyết	Hằng	10/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
42	VHU.TAB1.06.042	211A050270	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	16/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
43	VHU.TAB1.06.043	161A030963	Huỳnh Lê Hải	Hiền	06/11/1998	Đồng Tháp		
44	VHU.TAB1.06.044	221A230361	Nguyễn Đức	Hiếu	03/10/2004	Gia Lai		
45	VHU.TAB1.06.045	221A050561	Trần Minh	Hoàng	24/10/2004	Lâm Đồng		

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 06 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus – Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 28/9/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT02

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 15:30 - 17:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.06.046	201A070020	Lê Viết Vũ	Hoàng	12/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.06.047	211A030149	Lý Gia	Huệ	16/09/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.06.048	211A040212	Nguyễn Quốc	Hưng	09/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.06.049	221A010783	Nguyễn Duy	Hưng	03/05/2004	Đồng Tháp		
5	VHU.TAB1.06.050	211A050231	Võ Hữu Hoài	Hương	17/01/2003	Khánh Hòa		
6	VHU.TAB1.06.051	191A030477	Hồ Thị Thu	Hương	06/11/2001	Đắk Lắk		
7	VHU.TAB1.06.052	211A300115	Phạm Ngọc Quỳnh	Hương	08/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.06.053	221A010956	Trần Quang	Huy	06/01/2004	Đồng Nai		
9	VHU.TAB1.06.054	171A030065	Võ Gia	Huy	15/08/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.06.055	221A370537	Trương Thị Thu	Huyền	07/11/2004	Đồng Tháp		
11	VHU.TAB1.06.056	201A080374	Nguyễn Như	Huỳnh	25/10/2002	An Giang		
12	VHU.TAB1.06.057	221A290015	Nguyễn Ngọc	Huỳnh	07/12/2004	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.06.058	221A370005	Lâm Chí	Khanh	29/08/2004	Tây Ninh		
14	VHU.TAB1.06.059	211A050110	Lương Thị Mỹ	Khánh	17/06/2003	Vĩnh Long		
15	VHU.TAB1.06.060	191A030430	Lê Quốc	Khiêm	31/01/2001	Vĩnh Long		
16	VHU.TAB1.06.061	201A290032	Ngô Đăng	Khoa	22/01/2002	Cà Mau		
17	VHU.TAB1.06.062	211A010144	Phan Mạnh	Khôe	25/04/2003	Tây Ninh		
18	VHU.TAB1.06.063	221A050577	Bùi Minh	Kiên	14/12/2004	Tây Ninh		
19	VHU.TAB1.06.064	221A080034	Nguyễn Quốc	Kiệt	20/03/2004	An Giang		
20	VHU.TAB1.06.065	211A080032	Lê Tuấn	Kiệt	10/06/2003	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.06.066	211A070153	Phạm Trần Ngọc	Liên	25/03/2003	Đồng Tháp		
22	VHU.TAB1.06.067	221A030812	Hồ Thị Phương	Linh	24/06/2004	Đồng Nai		
23	VHU.TAB1.06.068	221A080078	Phan Thị Thuỳ	Linh	09/07/2004	An Giang		
24	VHU.TAB1.06.069	221A370310	Lê Thị Yến	Linh	25/05/2004	Đồng Tháp		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.06.070	211a230084	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	14/10/2003	Đồng Nai		
26	VHU.TAB1.06.071	211A210301	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	09/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.06.072	211A031408	Lê Ngọc Hoàng	Linh	15/12/2003	Quảng Trị		
28	VHU.TAB1.06.073	211A070076	Nguyễn Đức Đại	Lộc	24/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.06.074	221A010300	Trần Duy	Long	25/04/2004	Quảng Ngãi		
30	VHU.TAB1.06.075	221A010688	Trần Dương	Long	30/05/2004	Đồng Tháp		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 06 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus – Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 28/9/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT03

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nói)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.06.076	221A050045	Nguyễn Hữu	Luân	19/08/2004	Tây Ninh.		
2	VHU.TAB1.06.077	211A030264	Bùi Thị Trúc	Ly	11/01/2003	Đồng Nai		
3	VHU.TAB1.06.078	211A030115	Bùi Văn	Minh	20/05/2003	Gia Lai		
4	VHU.TAB1.06.079	221A370409	Trần Công	Minh	19/05/2004	Gia Lai		
5	VHU.TAB1.06.080	211A031534	Võ Lê Thùy	My	01/03/2002	An Giang		
6	VHU.TAB1.06.081	211A010157	Hoàng Việt	Nam	01/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.06.082	201A070154	Nguyễn Thị	Nga	30/12/2001	Gia Lai		
8	VHU.TAB1.06.083	221A050585	Trương Thị Mỹ	Ngân	14/11/2004	Quảng Ngãi		
9	VHU.TAB1.06.084	211A030733	Lê Trần Thị Kim	Ngân	23/06/2003	Lâm Đồng		
10	VHU.TAB1.06.085	211A110027	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.06.086	211A210186	Vương Ngọc Thu	Ngân	24/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
12	VHU.TAB1.06.087	221A031403	Lê Nguyễn Thu	Ngân	14/06/2003	Đồng Tháp		
13	VHU.TAB1.06.088	211A210141	Nguyễn Hoài	Ngọc	21/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.06.089	211A100048	Trần Huỳnh Như	Ngọc	28/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.06.090	231A320492	Trần Thị Tố	Ngọc	25/12/2005	Đắk Lắk		
16	VHU.TAB1.06.091	211A050372	Tạ Thu	Nguyên	19/05/2003	Tây Ninh		
17	VHU.TAB1.06.092	211A230048	Nguyễn Kim	Nguyên	24/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.06.093	211A320016	Bùi Quang Minh	Nguyệt	11/09/2003	Lâm Đồng		
19	VHU.TAB1.06.094	211A130003	Néang Canh	Nha	05/02/2003	An Giang		
20	VHU.TAB1.06.095	211A031107	Nguyễn Thị Mỹ	Nhàn	10/12/2003	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.06.096	151A010003	Trịnh Trần Trí	Nhân	02/03/1996	Đồng Tháp		
22	VHU.TAB1.06.097	211A080200	Huỳnh Phi	Nhật	07/10/2003	Gia Lai		
23	VHU.TAB1.06.098	221A010003	Đỗ Minh	Nhật	'25/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.06.099	211A031070	Bùi Thị Hiền	Nhi	16/09/2003	Lâm Đồng		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.06.100	221A050573	Lê Uyên	Nhi	11/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.06.101	211A210024	Võ Ngọc Yến	Nhi	30/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.06.102	181A080372	Đỗ Uyển	Nhi	18/01/2000	Đồng Tháp		
28	VHU.TAB1.06.103	221A030263	Trần Thị Phúc	Nhị	07/11/2004	Đắk Lắk		
29	VHU.TAB1.06.104	211A300118	Huỳnh Thị	Như	15/12/2003	An Giang		
30	VHU.TAB1.06.105	201A110032	Phù Thị Yến	Như	22/12/2002	Cà Mau		
31	VHU.TAB1.06.106	221A371173	Huỳnh Huyền	Như	10/09/2004	Vĩnh Long		
32	VHU.TAB1.06.107	201A070164	Đinh Thị Chân	Như	10/02/2002	Cà Mau		
33	VHU.TAB1.06.108	191A080152	Lê Thị Tuyết	Nhung	01/08/2001	Đắk Lắk		
34	VHU.TAB1.06.109	211A320044	Nguyễn Vũ Ni	Ni	12/06/2003	Gia Lai		
35	VHU.TAB1.06.110	221A360128	Võ Thị Hoài	Ny	27/08/2004	Gia Lai		
36	VHU.TAB1.06.111	221A360149	Nguyễn Thị Kim	Oanh	26/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
37	VHU.TAB1.06.112	221A050732	Chu Thị Kim	Oanh	17/11/2004	Đồng Nai		
38	VHU.TAB1.06.113	211A010138	Phạm Chí	Phát	10/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
39	VHU.TAB1.06.114	221A040493	Lê Huỳnh	Phát	23/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
40	VHU.TAB1.06.115	211A220010	Vũ Hồng	Phát	27/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
41	VHU.TAB1.06.116	221A310150	K' Ngọc	Phi	11/11/2004	Lâm Đồng		
42	VHU.TAB1.06.117	211A031268	Phạm Mạnh	Phú	10/07/2003	Nghệ An		
43	VHU.TAB1.06.118	201A030838	Nguyễn Thiên	Phú	20/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 06 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus – Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Ngày kiểm tra: 28/9/2025

Phòng kiểm tra: B1.PT04

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.06.119	221A310027	Tô Hoàng	Phúc	21/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TAB1.06.120	151A080025	Trần Minh	Phúc	30/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh		
3	VHU.TAB1.06.121	211A100133	Phùng Hoàng	Phụng	13/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.06.122	221A210614	Phan Thị An	Phước	03/11/2004	Lâm Đồng		
5	VHU.TAB1.06.123	211A031326	Vũ Thị	Phương	03/07/2003	Tây Ninh		
6	VHU.TAB1.06.124	211A050327	Đặng Hồng	Quân	31/01/2003	Hung Yên		
7	VHU.TAB1.06.125	231A210548	Trần Anh	Quân	01/10/2005	Lâm Đồng		
8	VHU.TAB1.06.126	201A030420	Ngô Minh	Quang	28/01/2002	Đồng Tháp		
9	VHU.TAB1.06.127	211A290011	Võ Nhật	Quang	24/07/2003	Đồng Tháp		
10	VHU.TAB1.06.128	201A010032	Nguyễn Hồ Anh	Quốc	04/11/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.06.129	221A371024	Lê Hoàng Minh	Quyên	01/05/2004	Đồng Tháp		
12	VHU.TAB1.06.130	211A330027	Lê Thị Ngọc	Quyên	03/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.06.131	221A360145	Ngô Võ	Quyên	22/07/2004	An Giang		
14	VHU.TAB1.06.132	211A031116	Lê Đỗ Phương	Quỳnh	20/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.06.133	221A030860	Lê Thị Như	Quỳnh	16/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TAB1.06.134	211A030862	Lữ Thanh	Sang	29/04/2003	Gia Lai		
17	VHU.TAB1.06.135	201A030157	Vũ Xuân	Son	03/08/2002	Thanh Hóa		
18	VHU.TAB1.06.136	181A080371	Nguyễn Thị Thu	Sương	19/05/2000	Tây Ninh		
19	VHU.TAB1.06.137	223A070008	Nguyễn Minh	Tân	21/04/2001	Thái Nguyên		
20	VHU.TAB1.06.138	211A030480	Nguyễn Minh	Tân	22/04/2003	Đồng Tháp		
21	VHU.TAB1.06.139	211A210181	Huỳnh Mai Thanh	Thảo	14/04/2003	Khánh Hòa		
22	VHU.TAB1.06.140	211A210041	Trương Thanh	Thảo	16/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.06.141	211A320105	Đoàn Thanh	Thảo	16/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.06.142	211A010091	Đào Tấn	Thảo	12/09/2003	Gia Lai		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.06.143	211A010166	Nguyễn Minh	Thiện	05/09/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.06.144	211A010225	Đặng Đức	Thịnh	29/05/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TAB1.06.145	211A230058	Phan Gia	Thịnh	17/10/2003	Vĩnh Long		
28	VHU.TAB1.06.146	211A031430	Trịnh Thị Ý	Thơ	01/03/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.06.147	221A080108	Phan Ngọc	Thơ	10/02/2004	Tây Ninh		
30	VHU.TAB1.06.148	221A030497	Lê Thị Kim	Thoại	18/02/2004	Đồng Tháp		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 06 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus – Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)

Phòng kiểm tra: B1.PT05

Giờ kiểm tra: Sáng 10:00 - 12:00 (Nói)

Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)

CBCKTr1:

CBCKTr2:

Ngày kiểm tra: 28/9/2025

Ký tên:.....

Ký tên:.....

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.06.149	211A190009	Đào Văn	Thom	20/08/1996	Gia Lai		
2	VHU.TAB1.06.150	221A300126	Bùi Thế	Thông	01/12/2004	Đắk Lắk		
3	VHU.TAB1.06.151	211A320073	Phạm Minh	Thư	24/05/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
4	VHU.TAB1.06.152	211A310063	Nguyễn Thị Anh	Thư	11/08/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TAB1.06.153	221A230525	Phạm Anh	Thư	14/05/2004	Đồng Nai		
6	VHU.TAB1.06.154	211A031180	Nguyễn Đặng Minh	Thư	25/12/2003	Thành Phố Hồ Chí Minh		
7	VHU.TAB1.06.155	211A100112	Võ Ngọc Anh	Thư	03/06/2003	An Giang		
8	VHU.TAB1.06.156	221A050232	Lê Công Anh	Thuận	24/10/2004	Khánh Hòa		
9	VHU.TAB1.06.157	211A031198	Nguyễn Hồng	Thúy	19/05/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.06.158	211A031130	Lê Thị Giáng	Tiên	19/02/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
11	VHU.TAB1.06.159	211A300096	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	20/02/2003	Cà Mau		
12	VHU.TAB1.06.160	211A300107	Hà Thị Cẩm	Tiên	17/05/2003	Đồng Nai		
13	VHU.TAB1.06.161	215A010006	Nguyễn Minh	Tiến	04/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.06.162	211A310023	Nguyễn Đặng Trung	Tín	08/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.06.163	221A370535	Phan Thị Quỳnh	Trâm	22/01/2004	Đắk Lắk		
16	VHU.TAB1.06.164	211A210152	Nguyễn Thị Loan	Trâm	03/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TAB1.06.165	211A210153	Phạm Nguyễn Bảo	Trân	12/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
18	VHU.TAB1.06.166	211A030405	Bùi Huyền	Trân	21/02/2003	Đồng Tháp		
19	VHU.TAB1.06.167	211A031160	Phan Thị Huyền	Trân	07/01/2003	Thành phố Cần Thơ		
20	VHU.TAB1.06.168	211A080205	Phạm Thị Hồng	Trân	15/09/2003	Lâm Đồng		
21	VHU.TAB1.06.169	211A050168	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	08/09/2003	Đồng Tháp		
22	VHU.TAB1.06.170	221A320166	Trần Thuỳ	Trang	11/11/2004	Gia Lai		
23	VHU.TAB1.06.171	221A370729	Nguyễn Thị Đoan	Trang	17/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TAB1.06.172	221A050173	Nguyễn Hoàng	Triều	01/04/2004	Vĩnh Long		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.06.173	221A370055	Trương Huỳnh Tú	Trinh	22/11/2004	Khánh Hòa		
26	VHU.TAB1.06.174	201A010146	Nguyễn Văn	Trọng	18/05/2002	Thành phố Cần Thơ		
27	VHU.TAB1.06.175	221A030019	Trần Kim	Trọng	31/03/2004	An Giang		
28	VHU.TAB1.06.176	201A080268	Trần Hà Thanh	Trúc	12/12/2002	Đồng Tháp		
29	VHU.TAB1.06.177	221A320267	Nguyễn Thanh	Trúc	15/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TAB1.06.178	221A030604	Phan Thanh	Trúc	30/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 3 (B1 THEO CEFR)
ĐỢT THỨ 06 NĂM 2025**

(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus – Khu chức năng, 13E Đại lộ Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh)

Môn kiểm tra: Tiếng Anh bậc 3 (Tương đương B1 theo CEFR)	Ngày kiểm tra: 28/9/2025
Phòng kiểm tra: B1.PT06	CBCKTr1: Ký tên:.....
Giờ kiểm tra: Sáng 08:00 - 10:00 (Nói)	CBCKTr2: Ký tên:.....
Chiều 13:30 - 15:30 (Nghe - Đọc - Viết)	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TAB1.06.179	221A370525	Lê Thanh	Trúc	26/01/2004	Đồng Tháp		
2	VHU.TAB1.06.180	211A050105	Phạm Thị Hải	Trúc	'23/12/2003	Gia Lai		
3	VHU.TAB1.06.181	211A210192	Trần Thị Minh	Truyền	26/04/2003	Khánh Hòa		
4	VHU.TAB1.06.182	221A230315	Nguyễn Thị	Truyền	01/03/2004	Khánh Hòa		
5	VHU.TAB1.06.183	221A010134	Nguyễn Thanh	Tú	25/10/2004	Tây Ninh		
6	VHU.TAB1.06.184	215A010005	Nguyễn Văn Anh	Tú	30/03/2003	Tây Ninh		
7	VHU.TAB1.06.185	191A020003	Trần Chí Long	Tứ	13/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TAB1.06.186	215A010003	Phạm Lê Thanh	Tùng	15/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TAB1.06.187	221A080171	Ngô Gia Mạnh	Tường	02/08/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
10	VHU.TAB1.06.188	221A310149	Bùi Thị Kim	Tuyền	19/05/2004	Tây Ninh		
11	VHU.TAB1.06.189	211A031344	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	02/05/2003	Gia Lai		
12	VHU.TAB1.06.190	211A050189	Lê Nguyễn Thanh	Tuyền	02/03/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
13	VHU.TAB1.06.191	221A300048	Trần Thiện Kim	Tuyết	04/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh		
14	VHU.TAB1.06.192	211A050051	Bùi Ngọc Phương	Uyên	01/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TAB1.06.193	211A330001	Đặng Phương	Uyên	21/05/2003	Đồng Nai		
16	VHU.TAB1.06.194	181A170172	Nguyễn Hàn Phương	Vân	25/02/2000	Lâm Đồng		
17	VHU.TAB1.06.195	221A210577	Dương Thị Hồng	Vân	14/11/2004	Quảng Ngãi		
18	VHU.TAB1.06.196	211A230051	Võ Thị Thanh	Vân	18/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
19	VHU.TAB1.06.197	181A080053	Vương Khánh	Vân	09/11/2000	Đồng Nai		
20	VHU.TAB1.06.198	211A030301	Nguyễn Thị Tường	Vi	30/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		
21	VHU.TAB1.06.199	221A030703	Phạm Thị Thuý	Vi	24/04/2004	An Giang		
22	VHU.TAB1.06.200	211A031146	Hồ Ngọc Thanh	Vương	22/04/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
23	VHU.TAB1.06.201	221A050554	Trần Thanh	Vy	01/03/2004	Tây Ninh		
24	VHU.TAB1.06.202	211A240040	Nguyễn Thị Phương	Vy	16/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
25	VHU.TAB1.06.203	201A160065	Phạm Đăng Như	Xuân	30/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TAB1.06.204	211A031414	Phạm Thị Kim	Ý	29/04/2003	Lâm Đồng		
27	VHU.TAB1.06.205	211A230165	Phạm Bảo	Yến	10/10/2003	Đồng Nai		
28	VHU.TAB1.06.206	211A100038	Lý Mỹ	Yến	17/10/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
29	VHU.TAB1.06.207	211A300098	Trần Thị Ngọc	Yến	07/06/2003	Tây Ninh		
30	VHU.TAB1.06.208	221A300364	Nguyễn Thị Hải	Yến	27/01/2004	Lâm Đồng		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết